

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002411

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **09/01/2023**

Phòng thi: **D7-38**

Tổ: **001**

Giờ: **12:30**

Đ: 21
H: 3

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121172021	LÝ PHƯƠNG HỮU CHÍ	17/02/2002	CCQ2117LA				8.2	42	58		
2	2121172017	VÕ DUY CƯỜNG	19/10/2003	CCQ2117LA				7.9	39	55		
3	2121172033	LƯƠNG VÕ TRƯỜNG ĐẠT	28/06/2003	CCQ2117LA				0				
4	2121172032	NGUYỄN MINH ĐĂNG	14/05/2003	CCQ2117LA				9.5	50	68		
5	2121172014	HÀ VĂN HẬU	05/03/2003	CCQ2117LA				9.6	79	86		
6	2121172010	LÊ TRUNG HIẾU	05/09/2003	CCQ2117LA				7.8	52	62		
7	2121172018	LÊ GIA HUY	26/01/2003	CCQ2117LA				9.7	78	86		
8	2121172026	NGUYỄN QUỐC HUY	09/09/2003	CCQ2117LA				7.6	32	50		
9	2121172023	PHẠM ĐÌNH HUY	02/02/2003	CCQ2117LA				0				
10	2121172013	LÊ HOÀNG LINH	01/10/2003	CCQ2117LA				8.7	36	56		
11	2121172016	HOÀNG VĂN MINH	26/02/2003	CCQ2117LA				8.0	31	51		
12	2121172029	NGUYỄN CÔNG MINH	09/12/2003	CCQ2117LA				8.7	47	63		
13	2121172015	PHÙNG MINH MỸ	31/03/2003	CCQ2117LA				7.3	12	36		
14	2121172005	NGUYỄN HẢI TRUNG NHÂN	13/07/1999	CCQ2117LA				7.5	51	61		
15	2121172011	NGUYỄN CÔNG QUỐC	21/09/2003	CCQ2117LA				7.8	31	50		
16	2121170050	PHẠM TẤN QUỐC	30/03/2003	CCQ2117LA				8.5	39	57		
17	2121172001	NGUYỄN HỮU QUÝ	28/04/2003	CCQ2117LA				0				
18	2121172009	VÕ LÊ THANH THÁI	04/12/2003	CCQ2117LA				7.8	33	51		
19	2121172004	VÕ TẤN THÀNH	19/06/2003	CCQ2117LA				8.8	74	80		
20	2121172020	DƯƠNG NGUYỄN VĨNH THUẬN	19/12/2003	CCQ2117LA				8.4	82	83		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002411

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: **24**...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121172002	PHẠM ĐỨC TÍN	07/11/2003	CCQ2117LA			Tín	4.1	65	56	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121172019	NGUYỄN QUỐC TRUNG	29/10/2003	CCQ2117LA				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121172024	HẮC NGỌC TUẤN	17/01/2003	CCQ2117LA			C	8.9	50	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121172008	TRẦN QUANG TUẤN	11/08/2003	CCQ2117LA			L	7.0	28	44	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121172003	NGUYỄN CÔNG THANH TÙNG	08/01/2003	CCQ2117LA			C	7.6	34	51	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121172028	TRẦN ĐÌNH VĂN	19/06/2003	CCQ2117LA			V	8.2	39	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121172027	TRẦN VĂN VŨ	20/05/2002	CCQ2117LA			C	7.2	24	43	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121172030	PHẠM TRƯỜNG VŨ	17/01/2003	CCQ2117LA			P	7.2	36	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002412

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **09/01/2023**

Phòng thi: **D7-39**

Tổ: **001**

Giờ: **12:30**

Đ: 22

H: 0

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>h.đ. Nguyen</i>	<i>T.T. Anhörung</i>	<i>N.T. Nguyen</i>	<i>T.T. Anhörung</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121270046	LÊ THỊ CHU AN	08/01/2003	CCQ2127LA				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121260050	NGÔ HOÀNG ANH	02/12/2003	CCQ2126LA				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121270053	LÊ THỊ NGỌC HÀ	17/08/2003	CCQ2127LA				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121270028	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	20/03/2000	CCQ2127LA			<i>Học</i>	8.9	3.5	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121270036	NGUYỄN QUỐC HUY	28/11/1999	CCQ2127LA			<i>Quốc</i>	8.4	7.2	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121270009	NGUYỄN KHÁNH LINH	09/07/2003	CCQ2127LA			<i>Khánh</i>	8.4	5.5	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121102004	TRẦN THỊ TRÚC LINH	20/06/2003	CCQ2110LA			<i>Trúc</i>	8.9	6.0	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121102002	LÊ THỊ HỒNG LY	28/08/2003	CCQ2110LA			<i>Ly</i>	9.4	8.5	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
9	2121270073	HUỖNH XUÂN MAI	10/06/2003	CCQ2126LA			<i>Huỳnh</i>	8.7	5.6	68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	2121270016	NGUYỄN HỒNG THANH MAI	16/11/2002	CCQ2127LA			<i>Thanh</i>	8.7	5.8	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121100003	NGUYỄN THỊ MỸ	01/03/2003	CCQ2110LA			<i>Mỹ</i>	9.4	9.0	92	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121270050	LÊ NGUYỄN	06/09/2003	CCQ2127LA			<i>Nguyen</i>	8.4	6.4	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121270095	PHẠM HỒNG NHÂN	22/11/2003	CCQ2127LA			<i>Phạm</i>	8.8	8.6	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121270116	ĐẶNG UYÊN NHI	26/03/2003	CCQ2127LA			<i>Đặng</i>	9.2	6.3	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121102005	TRẦN MINH THÁI TÂN	17/05/2003	CCQ2110LA			<i>Trần</i>	9.0	6.4	74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121270104	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG THẢO	10/04/2003	CCQ2127LA			<i>Phuong</i>	9.4	8.2	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121270083	ĐỖ THỊ THU THOM	02/05/2003	CCQ2127LA			<i>Thu</i>	8.9	3.6	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121270012	DƯƠNG KIM THUYỀN	12/08/2003	CCQ2127LA			<i>Dương</i>	8.8	4.3	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121260040	ĐỖ GIA TOÀN	29/03/2003	CCQ2126LA			<i>Đỗ</i>	8.7	5.6	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
20	2121102003	NGUYỄN THU TRANG	09/09/2003	CCQ2110LA			<i>Trang</i>	9.3	7.1	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002412

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>N. V. H. H. H.</i>	<i>T. T. Á. H. H.</i>	<i>N. T. N. H. H.</i>	<i>T. T. Á. H. H.</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121270062	LÊ THỊ PHƯƠNG TRẦN	13/03/2003	CCQ2127LA			<i>[Signature]</i>	8.5	4.3	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121260018	HUỖNH VĂN TƯỜNG	07/07/2003	CCQ2126LA			<i>[Signature]</i>	0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121260064	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	22/10/2003	CCQ2126LA			<i>[Signature]</i>	8.9	3.7	59	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121102001	VƯƠNG THIÊN KHÁNH VY	01/07/2001	CCQ2110LA			<i>[Signature]</i>	9.3	7.1	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121102006	ĐẶNG HÀ XUYỀN	13/12/2003	CCQ2110LA			<i>[Signature]</i>	9.0	8.3	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121260004	NGUYỄN THỊ HỒNG XUYỀN	29/04/2003	CCQ2126LA			<i>[Signature]</i>	9.0	4.9	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002416

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 15**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **09/01/2023**

Phòng thi: **D7-40**

Tổ: **001**

Giờ: **12:30**

Đ: 35
H: 0

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>P. V. M.</i>	<i>P. T. T.</i>	<i>P. U. M.</i>	<i>P. T. T.</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	CHI	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120130061	VÕ THỊ NGỌC	CHI	19/10/2002	CCQ2013C			<i>Có thi</i>	7.5	55	63	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	2120030109	VÕ TIẾN	ĐẠT	24/08/2002	CCQ2003D			<i>Đạt</i>	8.1	30	50	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	2120060006	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	23/08/2001	CCQ2006A			<i>Đức</i>	8.2	52	64	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	2120100041	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	03/02/2000	CCQ2010B			<i>Hà</i>	8.2	57	65	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	2121170660	TRẦN NGỌC	HÀI	30/01/2001	CCQ2117G			<i>Hài</i>	8.0	41	57	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	2121120382	PHẠM TRUNG	HẬU	02/12/2003	CCQ2112K			<i>Hậu</i>	8.3	80	81	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	2120030113	PHAN TRỌNG	HIẾU	02/05/2002	CCQ2003D			<i>Hiếu</i>	8.1	30	50	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	2119170283	NGUYỄN TRỌNG	KHẢ	18/02/2001	CCQ1917I			<i>Khả</i>	7.5	50	60	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	2120030116	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	KHOA	19/08/2000	CCQ2003D			<i>Khoa</i>	7.5	45	57	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	2120130068	NGUYỄN THỊ DIỄM	KIỀU	11/01/2002	CCQ2013C			<i>Kiều</i>	7.5	50	60	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	2120100365	AN KHÁNH	LINH	17/09/2001	CCQ2010F			<i>Anh</i>	8.9	70	78	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	2121260062	BÙI THỊ CẨM	LOAN	07/01/2003	CCQ2126B			<i>Loan</i>	8.6	75	79	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	2119050086	NGUYỄN THÀNH	LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>Luận</i>	0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	2121200043	NGÔ THỊ KIM	LUYẾN	05/01/2003	CCQ2120B			<i>Luyen</i>	8.2	32	52	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	2121170044	BÙI MẠNH	LƯƠNG	29/11/2002	CCQ2117B			<i>Luong</i>	8.8	66	75	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
16	2120200151	TRẦN THỊ BÍCH	LY	28/03/2002	CCQ2020E			<i>Ly</i>	7.9	56	65	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
17	2120170470	TÔ HOÀI	NAM	29/09/2002	CCQ2017N			<i>Tô</i>	0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
18	2121120159	HOÀNG NỮ THÚY	NGA	09/11/2003	CCQ2112E			<i>Nga</i>	9.0	70	78	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
19	2120100051	HUỖNH BẢO TRƯỜNG	NGÂN	17/06/2002	CCQ2010B			<i>Ngan</i>	8.6	45	61	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
20	2121170003	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	14/05/2003	CCQ2117A			<i>Nghĩa</i>	6.6	24	41	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002416

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 15**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>24+1</i> <i>P.V. Nam</i>	<i>Phạm Thị Thảo</i>	<i>P.V. Nam</i>	<i>Phạm Thị Thảo</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120069	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	18/10/2003	CCQ2112B			<i>Thuy</i>	8.0	68	73	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
22	2121260107	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	11/08/2002	CCQ2110J			<i>Ngoc</i>	8.5	76	80	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
23	2121260029	VŨ NGUYỄN HOÀNG	29/07/2003	CCQ2126A			<i>Nhung</i>	8.6	85	85	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
24	2120030124	BÙI HIỆP	11/03/2002	CCQ2003D			<i>Nhu</i>	8.1	44	53	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
25	2121170039	NGUYỄN THÁI PHƯỚC	02/05/2003	CCQ2117B			<i>Phuoc</i>	8.8	71	78	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
26	2120120598	NGUYỄN HỮU THÁI QUANG	17/08/2002	CCQ2012Q				0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
27	2120170509	NGUYỄN TRUNG QUÂN	21/01/2002	CCQ2017O			<i>Tran</i>	9.0	59	71	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
28	2121200096	HUỖNH TIẾN TÀI	30/09/2002	CCQ2120C			<i>Tai</i>	8.6	80	82	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
29	2120170514	NGUYỄN TẠ TÀI	23/10/2002	CCQ2017O			<i>Tai</i>	9.0	79	82	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
30	2120060020	DƯƠNG QUANG MINH TÂN	06/03/2001	CCQ2006A			<i>Minh</i>	7.5	34	50	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
31	2120120201	LÊ XUÂN TÂY	10/04/2002	CCQ2012F				0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
32	2120120725	ĐƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	18/05/2002	CCQ2012R				0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
33	2120120510	ĐỖ THỊ NHƯ THI	28/07/2001	CCQ2012O			<i>Thu</i>	8.4	55	67	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
34	2120170026	PHẠM BẢO THIÊN	28/06/2002	CCQ2017A			<i>Thien</i>	7.5	45	57	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
35	2120030132	HỒ VĂN THỐNG	28/08/2002	CCQ2003D			<i>Thong</i>	8.1	34	53	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
36	2121120381	NGUYỄN LÊ MINH THƯ	21/08/2003	CCQ2112K			<i>Minh</i>	9.3	98	96	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
37	2121200161	LÊ ÂN THƯỜNG	04/01/2003	CCQ2120E			<i>An</i>	9.1	80	84	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
38	2121120629	HỒ HUYỀN TRÂN	04/06/2003	CCQ2112Q			<i>Tran</i>	8.4	86	85	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
39	2121170135	PHAN TRỌNG TRƯỜNG	27/10/2003	CCQ2117D			<i>Truong</i>	9.1	89	90	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
40	2120170313	LÊ CHÂU TUYÊN	27/10/2002	CCQ2017I				0			<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002416

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 15**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **09/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: **34⁺¹**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 P. V. Maas	 Trâm T. Thảo	 P. V. Maas	 Trâm T. Thảo

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2118170535	LÊ TUẤN	TƯỜNG	08/09/2000	CCQ1817G			0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2121170230	NGUYỄN VĂN	VŨ	29/12/2003	CCQ2117G			7.9	67	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002413

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt: **14**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>Thao</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Thao</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>NHĐ</i>
---------------------------------	---------------------------------------	----------------------------------	---------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121200187	TRẦN ĐĂNG BIÊN	23/04/2003	CCQ2120F			<i>Biên</i>	78	87	83	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121170637	ĐẶNG HUY BÌNH	06/04/2003	CCQ2117B			<i>Bình</i>	84	47	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121120427	LÊ BẢO CHÂU	07/10/2003	CCQ2112M			<i>Châu</i>	74	86	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121200104	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	22/02/2003	CCQ2120C			<i>Cúc</i>	83	71	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121170051	VÕ MINH DŨNG	01/05/2002	CCQ2117B			<i>Dũng</i>	10	86	92	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121270091	VÕ TRỌNG DUY	01/10/2003	CCQ2127C			<i>Duy</i>	75	47	58	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120120212	HUỖNH THANH ĐIẾP	04/08/2000	CCQ2011H			<i>Diệp</i>	76	56	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121270106	HUỖNH NGỌC HÂN	02/12/2003	CCQ2127D			<i>Hân</i>	94	87	90	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121100120	PHAN THỊ THU HIỀN	12/12/2003	CCQ2110D			<i>Hiền</i>	76	80	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2119230004	PHÙNG THẾ HÙNG	17/05/2001	CCQ1923A			<i>Hùng</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121030009	ĐỒNG SĨ KHANG	26/12/2003	CCQ2103A			<i>Khang</i>	76	54	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121030010	ĐẶNG VĂN KHOA	07/04/2003	CCQ2103A			<i>Khoa</i>	84	41	58	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121270072	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	20/08/2003	CCQ2127C			<i>Kiều</i>	89	55	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
14	2121200133	NGUYỄN THỊ MINH LIÊN	21/06/2003	CCQ2120D			<i>Liên</i>	90	73	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121030015	NGUYỄN HOÀNG LỰC	29/08/2003	CCQ2103A			<i>Lực</i>	76	39	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120120163	ĐẶNG TRÚC LY	20/10/2002	CCQ2012E			<i>Ly</i>	67	33	47	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121270084	LÊ ĐOÀN KIM MY	23/03/2003	CCQ2127C			<i>My</i>	90	78	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120431	TRẦN LÊ MY MỸ	19/06/2003	CCQ2112M			<i>My</i>	70	85	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
19	2121030158	TRẦN THẾ MỸ	04/02/2003	CCQ2103A			<i>My</i>	78	52	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120632	HỒ THỊ NGỌC NGOAN	12/02/2002	CCQ2112R			<i>Ngọc</i>	91	85	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002413

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

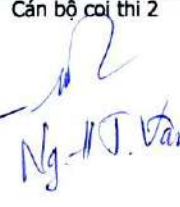
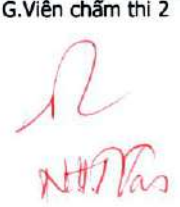
Giờ: **12:30**

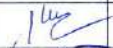
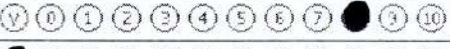
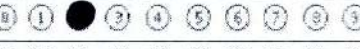
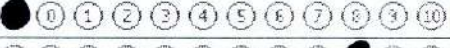
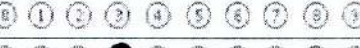
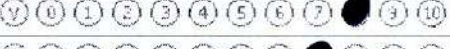
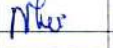
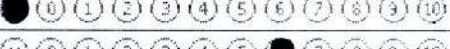
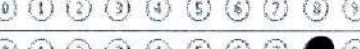
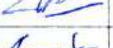
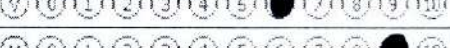
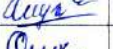
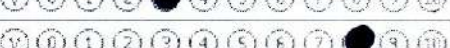
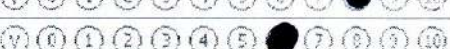
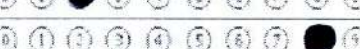
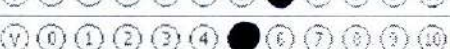
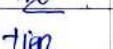
Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121270080	LÊ THỊ Ý NGUYỄN	09/02/2003	CCQ2127C				91	87	89		
22	2121200155	NGUYỄN THANH THU NGUYỆT	11/04/2003	CCQ2120E				84	67	74		
23	2121120259	HOÀNG LÊ THỐNG NHẤT	05/02/2001	CCQ2112H				91	80	84		
24	2121200219	LÊ THỊ ÁI NHI	26/11/2000	CCQ2120C				83	81	82		
25	2121270074	HOÀNG THỊ NHUNG	21/10/2001	CCQ2127C				83				
26	2121270111	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	31/12/2003	CCQ2127D				84	83	83		
27	2121100317	VÕ THỊ NHƯ NHƯ	25/06/2003	CCQ2110J				74	73	73		
28	2119110349	PHẠM VĂN DUY PHONG	02/04/2001	CCQ1923A								
29	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A				64	71	68		
30	2121120215	CHÂU KIM QUẾ QUỲNH	10/04/1999	CCQ2112G				93	88	90		
31	2121120009	TRƯƠNG THỊ MỘNG QUỲNH	07/05/2003	CCQ2112A				87	74	79		
32	2120120168	VÕ THỊ NHƯ QUỲNH	14/02/2002	CCQ2012E				62	1.0	31		
33	2121030003	TRẦN VĂN THI	13/02/2002	CCQ2103A				87	7.8	82		
34	2120110236	LÊ ĐÌNH THỌ	14/10/2002	CCQ2011G				76	63	68		
35	2121120233	TRƯƠNG THỊ MỸ THOA	15/09/2003	CCQ2112G				73	4.3	55		
36	2121030019	TRẦN VĂN THÔNG	23/09/2003	CCQ2103A				56	4.7	51		
37	2121270100	LÊ THỊ KIỀU TIỀN	13/11/2003	CCQ2127C				79	69	73		
38	2121100321	PHAN THỊ NGỌC TIỀN	18/07/2001	CCQ2110J				84	7.8	80		
39	2121270093	PHẠM HỮU TIẾN	23/01/2003	CCQ2127C				90	77	82		
40	2121180013	NGUYỄN THÀNH TIN	12/12/2003	CCQ2118A				81	69	74		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002413

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

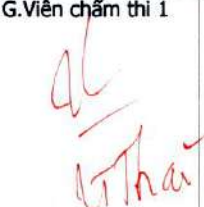
Giờ: **12:30**

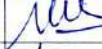
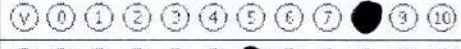
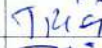
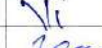
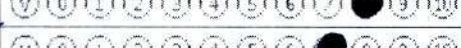
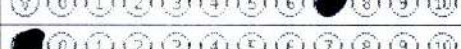
Phòng thi: **D7-38**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120260208	NGUYỄN TRIỆU TÌNH	10/10/2002	CCQ2026F				83	79	81		
42	2121180005	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/07/2003	CCQ2118A				85	85	85		
43	2121200205	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	04/06/2003	CCQ2120F				96	80	86		
44	2121120601	VÕ THỊ THANH TRÂN	10/06/2003	CCQ2112R				89	82	85		
45	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỂN	20/06/2002	CCQ2118A				67	39	50		
46	2121270105	PHAN THỊ THANH TRÚC	07/10/2003	CCQ2127C				91	70	78		
47	2120110264	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	10/06/2002	CCQ2011H				66	44	53		
48	2121120226	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	13/11/2003	CCQ2112G				91	76	82		
49	2121120435	TRẦN THỊ THÚY VI	20/01/2003	CCQ2112I				85	84	84		
50	2121200208	TRẦN QUANG VIÊN	02/02/2003	CCQ2120F				89	66	75		
51	2121270082	HUYỀN TUẤN VŨ	10/11/2003	CCQ2127C								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 08**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-39**

Mã nhận dạng: 002414

Trang : 1/3

Đ: 49
H: 0

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngochad</i> <i>nnchau</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>DTT/hi</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngochad</i> <i>nnchau</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>DTT/hi</i>
---	-----------------------------------	--	------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120552	ĐẶNG THỊ KIM ANH	03/10/2003	CCQ2112P			<i>Kim</i>	84	81	82	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120260242	HUỖNH THỊ NGỌC ANH	20/10/2001	CCQ2026G			<i>Ngoc</i>	62	64	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121120171	PHẠM THỊ YẾN CHI	10/01/2003	CCQ2112E			<i>Chi</i>	84	85	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A			<i>Diem</i>	86	84	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121200016	VÕ HOÀNG MỸ DUYÊN	18/10/2003	CCQ2120A			<i>Duyen</i>	83	78	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121200029	NGUYỄN TRẦN MINH HẢI	21/08/2001	CCQ2120A			<i>Ha</i>	84	81	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A			<i>Hiep</i>	87	84	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A			<i>Huy</i>	90	86	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121050019	VÕ NGỌC HUY	06/02/2003	CCQ2105A			<i>Huy</i>	75	61	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120061	MAI LÊ HUYỀN	16/10/2003	CCQ2112B			<i>Huyen</i>	85	82	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121120554	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG	04/08/2003	CCQ2112P			<i>Huong</i>	84	82	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B			<i>Hy</i>	82	77	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2120170536	TRẦN THANH KHẢI	09/11/2002	CCQ2020J			<i>Khai</i>	0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B			<i>Khang</i>	81	85	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121100173	NGUYỄN HOÀNG MAI KHANH	08/03/2003	CCQ2110E			<i>Khanh</i>	88	88	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
16	2121050061	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B			<i>Khanh</i>	84	83	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121120028	NGUYỄN THỊ CẨM LEN	15/01/2003	CCQ2112A			<i>Len</i>	76	85	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120559	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH	10/07/2003	CCQ2112P			<i>Phuong</i>	89	83	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122100314	NGUYỄN THỊ LINH	16/03/1995	CCQ2210J			<i>Phu</i>	86	81	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121170085	CAO TẤN LỘC	19/05/2003	CCQ2117C			<i>Loc</i>	78	78	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002414

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 08**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

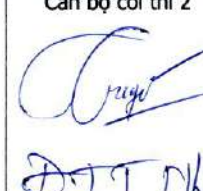
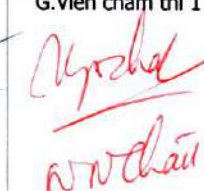
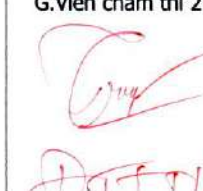
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **49**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  nwchau	Cán bộ coi thi 2  ĐTT Nh	G.Viên chấm thi 1  nwchau	G.Viên chấm thi 2  ĐTT Nh
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A				83	75	78	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121050006	TRẦN VĂN LUÂN	03/11/2003	CCQ2120F				84	65	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A				73	83	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120515	LƯƠNG NGỌC MINH	27/07/2003	CCQ2112O				75	82	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120555	ĐẶNG THỊ THẢO MY	02/08/2003	CCQ2112P				85	89	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121120528	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	20/04/2003	CCQ2112P				80	87	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121120227	NGÔ THỊ NGUYỄN	10/03/2003	CCQ2112G				82	61	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121120557	TRƯƠNG THỊ NGỌC NHƯ	12/09/2003	CCQ2112P				86	84	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A				77	64	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121050010	ĐỖ HOÀNG PHƯỚC	16/01/2003	CCQ2105A				76	77	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121120219	NGÔ PHẠM THANH PHƯƠNG	06/09/2002	CCQ2112G				89	89	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121170535	TRẦN HOÀNG QUI	29/09/2003	CCQ2117P				76	83	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120110125	HUỲNH VĂN SÁNG	18/09/2000	CCQ2005D				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121100162	ĐẶNG MỸ TÂM	26/03/2003	CCQ2110E				89	82	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A				68	85	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121050012	NGUYỄN CÔNG THÀNH	25/08/2003	CCQ2105A				83	65	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121120519	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	28/03/2003	CCQ2112O				85	78	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121200033	NGUYỄN THỊ CẨM THI	03/10/2003	CCQ2120A				81	77	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2120170344	THÁI VĂN THIÊN	25/02/2002	CCQ2003F				58	55	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121100183	PHẠM THỊ ANH THƯ	11/02/2003	CCQ2110F				84	87	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002414

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 08**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

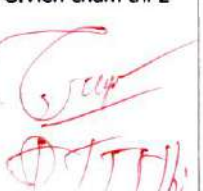
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **49**.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  NVC	Cán bộ coi thi 2  Đ.T.T.H.	G.Viên chấm thi 1  NVC	G.Viên chấm thi 2  Đ.T.T.H.
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121100168	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	04/08/2000	CCQ2110E				83	88	86	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2121050075	LÊ ĐÔNG TRIỀU	27/12/2003	CCQ2105A				84	83	83	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2121120551	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	15/01/2003	CCQ2112P				89	78	82	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2121100198	NGUYỄN THỊ TRÚC	25/04/2003	CCQ2110F				88	87	87	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2121120558	VŨ THỊ TRÚC	26/06/2003	CCQ2112P				85	83	84	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2121170562	NGUYỄN CÔNG TÚ	11/07/2003	CCQ2117Q				73	77	75	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2121050020	PHẠM MINH TUẤN	16/10/2001	CCQ2105A				88	89	89	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
48	2121120422	PHÚ NỮ HOÀNG TY	26/06/2001	CCQ2112M				90	83	86	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2121120254	NGUYỄN QUỐC UY	23/12/2002	CCQ2112H				91	94	93	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A				85	85	85	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	2121200085	VI THỊ YẾN	18/04/2003	CCQ2120C				87	83	84	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Đ, 42
H102

Số SV có mặt: **44**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **002415**

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121170236	HOÀNG KỲ ANH	22/08/2003	CCQ2117G				5,0	7,0	6,2		
2	2121030005	HỒ LÊ CẢNH	10/12/2003	CCQ2103A				7,6	8,2	7,4		
3	2118140004	LÊ MINH CHÍNHH	27/04/2000	CCQ1814A				0	0	0		
4	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B				7,6	6,3	6,8		
5	2121170228	NGUYỄN ĐỨC DUY	05/03/2003	CCQ2117G				5,6	7,0	6,4		
6	2120030184	NGUYỄN XUÂN DỰ	20/08/2002	CCQ2003F				6,0	5,0	5,4		
7	2121110329	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	26/09/2003	CCQ2111J				0	0	0		
8	2121120180	TRẦN ĐÌNH ĐOÁN	06/01/2003	CCQ2112F				9,0	6,6	7,0		
9	2120100282	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	31/01/2002	CCQ2010I				5,9	4,5	5,1		
10	2120260253	ĐỖ GIA HÂN	28/12/2002	CCQ2010L				6,8	7,9	7,5		
11	2121120172	LÊ TRỌNG HIẾU	17/05/2003	CCQ2112E				9,4	7,9	8,5		
12	2121100072	TRẦN THỊ HỒNG HOA	16/01/2003	CCQ2110C				0	0	0		
13	2121120183	TRƯƠNG VĂN HUẤN	12/08/2002	CCQ2112F				8,8	7,2	7,8		
14	2121120596	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	05/05/2003	CCQ2112P				8,4	8,4	8,4		
15	2121170233	VÕ SỸ HÙNG	16/11/2003	CCQ2117G				5,7	7,8	7,0		
16	2121170218	HÀ QUỐC HUY	09/05/2003	CCQ2117G				0	0	0		
17	2121170467	ĐỖ DUY HƯNG	18/03/2003	CCQ2117N				6,2	5,8	5,9		
18	2121100091	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	02/01/2003	CCQ2110C				7,7	8,4	8,1		
19	2121170231	LÊ MINH KHA	17/06/2003	CCQ2117G				6,4	8,2	7,5		
20	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A				6,3	4,5	5,2		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002415

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

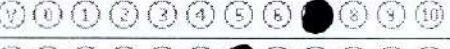
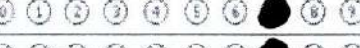
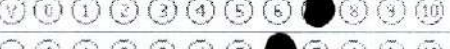
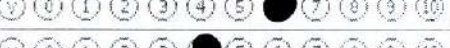
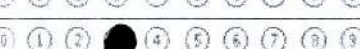
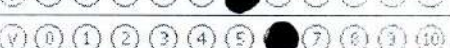
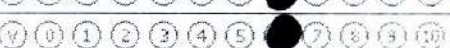
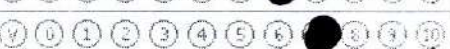
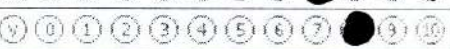
Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: **44**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121170217	NGUYỄN MINH KHANG	14/08/2003	CCQ2117G				5,6	7,4	6,7		
22	2121120413	NGUYỄN DOÃN TUẤN	29/04/2003	CCQ2112L				8,7	7,0	7,7		
23	2120120290	NGUYỄN TUẤN	02/12/2002	CCQ2012I				6,4	7,0	6,8		
24	2120120291	ĐẶNG THANH LIÊM	20/12/2002	CCQ2012I				6,6	7,0	6,8		
25	2121120060	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	27/12/2003	CCQ2112B				6,2	8,2	7,4		
26	2121170464	PHẠM VĂN LỘC	14/08/2003	CCQ2117N				7,2	7,3	7,3		
27	2121170221	TÔN THẮT LỘC	26/02/2003	CCQ2117G				8,0	4,2	5,7		
28	2121200211	NGUYỄN THỊ NGỌC LUYẾN	21/11/2002	CCQ2120E				8,2	7,3	7,7		
29	2121120447	VÒNG LÊ MINH	11/12/2003	CCQ2112M				5,1	7,0	6,2		
30	2120040008	NGUYỄN NGỌC NGON	28/04/2002	CCQ2004A				6,2	3,0	4,3		
31	2121200120	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	27/02/2003	CCQ2120D				7,5	5,4	6,2		
32	2118120218	HUỖNH LÊ TUẤN NHA	12/05/1999	CCQ1812C				6,8	4,6	5,5		
33	2121170268	NGUYỄN NGỌC NHÂM	16/08/2002	CCQ2117H				3,8	4,9	4,5		
34	2119030191	NGÔ TRỌNG NHÂN	07/08/2001	CCQ1903F				0				
35	2121170214	ĐỖ DUY PHONG	11/12/2003	CCQ2117G				6,2	4,7	5,3		
36	2121100141	NGUYỄN BÙI THỊ BÍCH PHƯƠNG	04/07/2003	CCQ2110E				7,7	8,4	8,9		
37	2121050046	NGUYỄN MINH QUỐC	04/06/2001	CCQ2112R				6,0	6,7	6,4		
38	2120190113	LÊ BÁ QUYỀN	25/05/1998	CCQ2019C				6,6	8,3	7,6		
39	2121170047	HUỖNH QUỐC TÀI	19/03/2003	CCQ2112R				7,0	9,0	8,2		
40	2121170425	MAI HOÀN THÀNH	15/10/2002	CCQ2117M				5,8	7,8	7,0		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002415

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D7-40**

Số SV có mặt: 44

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121170441	HUỖNH XUÂN THIÊN	27/12/2002	CCQ2117M				6,7	6,2	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121200131	VŨ THỊ THỦY TIẾN	29/04/2001	CCQ2120D				7,3	8,7	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121200136	PHẠM THỊ NINH TỊNH	10/12/2003	CCQ2120D				8,6	3,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2120170708	TRẦN ĐỨC TOÀN	04/11/2001	CCQ2017K				0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121202001	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	25/06/2003	CCQ2120B				9,5	7,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121200081	TRẦN NỮ QUỲNH TRANG	07/01/2003	CCQ2120C				7,9	4,7	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2121200106	NGUYỄN THỊ NGỌC TRẦN	01/11/2003	CCQ2120D				6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121120617	NGUYỄN ÁI MINH TRIỆU	21/03/2003	CCQ2112R				7,5	9,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121170340	NGÔ ĐỨC TÚ	18/05/2003	CCQ2117J				5,3	7,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121110343	NGUYỄN THANH TÙNG	02/11/2003	CCQ2111J				5,5	7,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 18**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **13/01/2023**

Phòng thi: **A201**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

Mã nhận dạng: **002417**

Trang : 1/3

Số SV có mặt: **43**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121200088	TRẦN THỊ KIM ANH	10/10/2003	CCQ2120C				85	72	77		
2	2120110246	LƯU VĂN AN	10/02/2002	CCQ2011H				57	65	62		
3	2121120068	NGUYỄN QUỐC BẢO	25/10/2003	CCQ2112B				68	80	75		
4	2121120261	HOÀNG THỊ BẮC	14/12/2002	CCQ2112H				96	65	77		
5	2121110297	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	19/01/2003	CCQ2111I				78	57	65		
6	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B				70	60	64		
7	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A				77	51	61		
8	2121100209	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	01/10/2003	CCQ2110F				80	51	63		
9	2121100176	THANH THỊ ĐÀO	22/08/2003	CCQ2110F				60	50	54		
10	2121120195	NGUYỄN THỊ THU HÀ	18/02/2003	CCQ2112F				95	72	81		
11	2121200090	BÙI THỊ MỸ HẠNH	08/02/2003	CCQ2120C				85	74	78		
12	2121120357	HUỖNH ANH HÀO	07/06/2003	CCQ2112K				75	76	76		
13	2121120565	NHỮ THỊ HẰNG	22/08/2003	CCQ2112Q				86	48	63		
14	2121120502	NGUYỄN THỊ HẬU	05/01/2003	CCQ2112O				99	74	84		
15	2121200079	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	28/09/2002	CCQ2120C				98	80	87		
16	2121120493	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	12/03/2003	CCQ2112O				98	76	85		
17	2121180023	LÊ ĐĂNG HUY	28/04/2003	CCQ2118A				30				
18	2121120504	HUỖNH THỊ THẢO HUYỀN	07/03/2003	CCQ2112O				95	79	85		
19	2121120067	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	28/08/2003	CCQ2112B				71	24	43		
20	2121120268	TRẦN THỊ QUỲNH HƯƠNG	03/07/2003	CCQ2112H				62	50	55		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002417

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 18**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **43**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120030154	ĐINH QUANG KHẢI	12/09/2002	CCQ2003E				63	52	56		
22	2121110057	NGUYỄN CÔNG KHÁNH	08/11/2003	CCQ2111B				86	70	76		
23	2121120107	NGUYỄN HOÀNG KHUÊ	30/10/2003	CCQ2112D				18				
24	2119050141	HUỖNH VĂN KIẾT	29/06/2001	CCQ1905D				/				
25	2118170483	TRẦN DU KÝ	23/04/2000	CCQ1817G				/				
26	2121120539	NGUYỄN PHƯƠNG LÂM	06/05/2003	CCQ2112P				94	61	74		
27	2121200184	BÙI THỊ MỸ LINH	04/11/2003	CCQ2120F				71	40	52		
28	2121120109	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	22/08/2003	CCQ2112D				70	45	55		
29	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG NHÃN	12/04/2002	CCQ2118A				21				
30	2121120018	LÃ PHƯƠNG NHI	14/02/2001	CCQ2112A				80	81	81		
31	2121120543	NGUYỄN Ý NHI	06/02/2003	CCQ2112P				92	73	81		
32	2121100207	TRẦN THỊ MỸ PHƯƠNG	09/07/2002	CCQ2110F				78				
33	2121170638	NGÔ NGỌC QUÝ	01/07/2003	CCQ2117B				/				
34	2121120301	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	29/10/2003	CCQ2112I				67	54	59		
35	2121120465	PHAN ĐÌNH LAM THANH	16/01/2003	CCQ2112N				82	70	75		
36	2120110258	TRƯƠNG NGỌC THANH	28/02/2002	CCQ2011H				62	51	55		
37	2121100082	NGUYỄN HỒNG THI	15/10/2003	CCQ2110C				95	60	74		
38	2121100155	VÕ THỊ KIM THOA	10/05/2003	CCQ2110E				64	30	44		
39	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A				83	56	67		
40	2121120034	NGUYỄN THỊ TÌNH	27/07/2002	CCQ2112A				79	55	65		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002417

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 18**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

Giờ: **09:45**

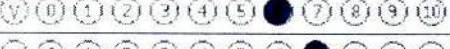
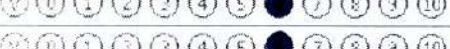
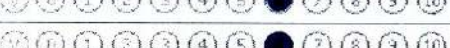
Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **43**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120514	HỒ THỊ XUÂN TRÀ	11/02/2003	CCQ21120				99	72	83		
42	2121100202	NGUYỄN THỊ NGỌC TRẦN	15/04/2003	CCQ2110F				71	58	63		
43	2121200193	NGUYỄN VŨ KIỀU TRINH	25/08/2003	CCQ2120F				94	67	78		
44	2121120330	HỒ QUỐC TUẤN	30/03/2001	CCQ2112J				52	59	56		
45	2121120303	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	27/01/2003	CCQ2112I				63	61	62		
46	2121120002	NGUYỄN HUỲNH ANH TUẤN	09/10/2003	CCQ2112A				67	56	60		
47	2121120024	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	23/09/2003	CCQ2112A				79	57	66		
48	2121120283	ĐÀO THỊ PHƯƠNG UYÊN	17/07/2003	CCQ2112I				76	57	65		
49	2121120017	ĐÀO THỊ THU VÂN	17/02/2001	CCQ2112A				84	75	79		
50	2121120320	LÊ THẾ VINH	01/08/2003	CCQ2112J				81	50	62		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002418

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 19**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **13/01/2023**

Phòng thi: **A205**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

D: 44
H: 1

Số SV có mặt: ...45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Đ.T.T.H.	T.T.Đ. Hương	Đ.T.T.H.	T.T.Đ. Hương

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110353	CHÂU BÌNH AN	02/04/2002	CCQ2011F				6.7	7.5	7.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C				5.8	6.4	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A				6.5	7.1	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
4	2121100018	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	09/07/2003	CCQ2110A				6.4	9.3	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121150007	VŨ HOÀI BẢO ÂN	24/07/2003	CCQ2115A				7.2	9.0	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121260021	ĐẶNG THỊ LANG CHI	20/08/2001	CCQ2126A				6.7	9.6	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C				6.7	6.6	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B				6.0	6.3	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120180080	DƯƠNG HUỖNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C				7.0	5.0	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	2121120175	PHAN THỊ UYÊN HÀ	28/08/2003	CCQ2112R				7.7	5.8	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121200019	VŨ THỊ XUÂN HẠNH	19/07/2003	CCQ2120A				7.9	9.4	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2121120516	PHÙNG TẤN HẬU	26/05/2003	CCQ2112O				9.3	8.5	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2121100013	PHAN THỊ THANH HIỀN	09/11/2003	CCQ2110A				8.3	8.4	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121180017	HUỖNH TRỌNG HIẾU	18/12/2003	CCQ2118A				5.8	5.2	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B				8.4	7.7	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121200052	PHẠM THANH HUỆ	14/10/2003	CCQ2120B				7.2	8.5	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121110033	HOÀNG VĂN HÙNG	18/11/2003	CCQ2120F							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120200246	NGUYỄN HỒNG HUỖYÊN	09/07/2002	CCQ2020H							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120110187	DỊP VĨNH HƯNG	31/10/2002	CCQ2011F				7.4	8.0	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
20	2120200221	LÊ MINH LÂM	11/11/2002	CCQ2020G				5.5	7.1	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002418

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 19**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

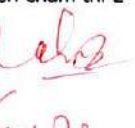
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A205**

Số SV có mặt: **45**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Đ.T.T.T.H.	T.T.Ái Hương	Đ.T.T.H.	T.T.Ái Hương

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C			Long	5.5	5.9	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120110191	PHẠM ĐÌNH LỘC	10/03/2002	CCQ2011F			Lộc	7.8	7.5	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121100057	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	17/08/2003	CCQ2110B			Ngân	9.6	7.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120547	PHAN NỮ THANH NGÂN	04/01/2003	CCQ2112P			Ngân	8.8	7.7	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121100152	ĐOÀN THỊ BẢO NGUYÊN	14/07/2003	CCQ2110E			Nguyên	6.2	6.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120110326	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	16/02/2001	CCQ2011A			Nguyên	6.9	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121120491	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	01/05/2003	CCQ2112O			Nhi	10	9.2	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121170211	ĐẶNG THANH PHONG	24/10/2003	CCQ2117G			Phong	2.9	3.8	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120170157	LÊ QUỐC PHONG	10/02/2002	CCQ2017E			Phong	6.0	5.4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121170219	NGUYỄN THANH PHONG	04/03/2003	CCQ2117G			Phong	5.4	5.0	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120170159	TRƯƠNG NGỌC PHÚC	29/01/2002	CCQ2017E			Phúc	6.3	5.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121100042	TRẦN NHƯ HOÀI PHƯƠNG	12/10/2003	CCQ2110B			Phương	9.7	8.5	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120030181	TÔN VĂN QUÍ	03/09/2002	CCQ2003F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120110023	HỒ MINH SANG	31/05/2002	CCQ2011A			Sang	5.0	6.2	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121120553	TRẦN TUẤN SANG	24/04/2003	CCQ2112P			Sang	8.5	6.3	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121260015	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	14/09/2003	CCQ2126A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120120373	LÊ VĂN TÀI	15/04/2002	CCQ2012K			Tài	7.8	9.1	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121100035	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	04/04/2003	CCQ2110A			Tâm	9.9	8.3	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121120542	TRẦN THỊ TIẾN THANH	14/11/2003	CCQ2112P			Thanh	9.4	8.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120531	HỒ MINH THƯ	08/03/2003	CCQ2112P			Thư	10	8.4	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLDT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002418

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 19**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

Giờ: **09:45**

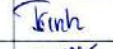
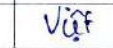
Phòng thi: **A205**

Số SV có mặt:45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120170168	NGUYỄN HỮU TÌNH	29/01/2002	CCQ2017E				4.7	5.6	5.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2121100143	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	29/09/2002	CCQ2110E				8.4	8.4	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2121260056	LÊ THỊ NGUYỆT TRINH	20/10/2003	CCQ2126B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2121100166	NGUYỄN VŨ HUYỀN	09/12/2003	CCQ2110E				6.3	5.9	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2121100025	TRẦN THỊ THANH VÂN	04/06/2003	CCQ2110A				9.1	8.4	8.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2121260008	LŨI MAI TƯỜNG	30/09/2003	CCQ2126A				7.6	8.3	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2120110330	ĐỖ NGUYỄN THÀNH	27/10/2002	CCQ2011A				6.4	6.4	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	2120110210	TRẦN TUẤN	02/01/2002	CCQ2011F				6.7	7.0	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
49	2121100011	ĐÀO PHƯƠNG	14/12/2003	CCQ2120A				8.1	8.2	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2121100191	ĐẬU THỊ YẾN	24/12/2003	CCQ2110F				6.4	6.2	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002419

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 22**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Ngày thi: **13/01/2023**

Phòng thi: **A206**

Tổ: **001**

Giờ: **09:45**

Điểm: 88
Thang: 0

Số SV có mặt: 38

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050001	PHẠM QUỐC ANH	03/02/2003	CCQ2105A			Anh	71	83	78		
2	2121170154	VÕ HỒNG ANH	27/01/2003	CCQ2117E			Hồng	75	83	80		
3	2119170239	BÙI NGUYỄN HẢI	08/03/2001	CCQ1917H			Hải	0				
4	2120190091	HUỖNH THỊ KIM	09/09/2002	CCQ2019C			Kim	79	89	85		
5	2120200175	TRƯƠNG THỊ KIM	05/01/2002	CCQ2020F			Kim	50	51	51		
6	2121170640	HỒ NGỌC DIỄN	10/03/2003	CCQ2117B			Diễn	71	76	74		
7	2121110316	NGUYỄN THÀNH DŨNG	23/09/2003	CCQ2111J			Thành	81	81	81		
8	2121170621	NGUYỄN TIẾN DŨNG	16/11/2003	CCQ2110J			Tiến	76	77	77		
9	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B			Duy	0				
10	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C			Đạt	65	66	66		
11	2121170561	HOÀNG XUÂN ĐẠT	14/09/2003	CCQ2117Q			Xuân	78	81	79		
12	2121110374	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	19/01/2003	CCQ2111I			Thúy	78	72	74		
13	2121240170	ĐẶNG THỊ NGỌC HOA	02/09/2003	CCQ2110J			Hoa	80	75	77		
14	2121170300	DƯƠNG BÁ PHÚC HUY	07/12/2002	CCQ2117I			Phúc	70	59	63		
15	2121200005	PHẠM HOÀNG HUY	15/09/2003	CCQ2120A			Huy	0				
16	2121170310	HUỖNH DUY KHÁNH	06/03/2003	CCQ2117I			Khánh	50	72	63		
17	2121170324	TRẦN NGỌC LÁNH	26/01/2003	CCQ2117J			Lánh	0				
18	2120170541	NGUYỄN THÀNH LONG	13/10/2002	CCQ2017P			Long	0				
19	2119170215	ĐINH HOÀNG LỘC	14/09/2001	CCQ1917G			Lộc	0				
20	2121170061	NGUYỄN VĂN MÃN	09/01/2003	CCQ2117B			Mãn	65	52	57		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002419

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 22**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

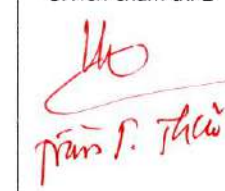
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: **38**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170407	VÕ PHẠM MINH MÃN	04/09/2002	CCQ2017L				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121120015	ĐẶNG THỊ KIM NGÂN	25/05/2003	CCQ2112A			Ngân	70	78	75	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121110315	LÊ KIM NGÂN	07/03/2003	CCQ2111I				90	91	91	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120044	NGUYỄN LÊ THÚY NGÂN	25/10/2003	CCQ2112B			ThuyNgan	73	53	61	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120011	PHẠM THỊ THẢO NGÂN	30/01/2003	CCQ2112A			Ngân	73	78	76	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121100323	VÕ THỊ KIM NGÂN	18/04/2003	CCQ2110J			Ngân	77	77	77	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121100087	PHAN KHÁNH NGỌC	17/12/2003	CCQ2110C			Ungoc	73	84	80	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121120521	PHAN THỊ ÁNH NGUYỆT	15/07/2003	CCQ2112O			Nguyet	68	84	78	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
29	2121120025	VĂN THỊ THU NGUYỆT	10/12/2003	CCQ2112A			Nguyet	70	61	65	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121170325	MAI TRÚC NHẢ	22/03/2003	CCQ2117J				70	63	66	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121170341	TRẦN VĂN PHƯƠNG	15/08/2002	CCQ2117J			Phuong	70	58	63	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2119120367	LÊ VĂN QUAN	15/01/2001	CCQ1912K				0	—		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121110340	NGUYỄN TRẦN MINH QUANG	11/11/2003	CCQ2111J				0	—		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121170283	NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH	23/03/2003	CCQ2117I			Quynh	70	79	75	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121170040	TỔNG VIỆT THÁI	07/10/2001	CCQ2117B			Thai	70	85	79	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
36	2121200038	NGUYỄN TIẾN THÀNH	16/07/2003	CCQ2120B				0	—		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121110323	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT THI	15/12/2003	CCQ2111J			Thi	70	90	82	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121110331	LÊ NGỌC THIÊN	09/09/2003	CCQ2111J			Thi	71	61	65	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121170272	NGUYỄN THANH THỊNH	11/10/2003	CCQ2126D			Thinh	70	70	70	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121120039	VÕ THỊ NGỌC THU	11/12/2003	CCQ2112B			Thi	70	80	76	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002419

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 22**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

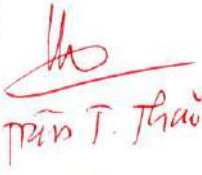
Tổ: **001**

Ngày thi: **13/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: **38**
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120057	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	10/12/2003	CCQ2112B				70	38	51	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2121100105	CHU THỊ THANH THƯƠNG	06/10/2003	CCQ2110C				71	65	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C				76	80	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2121170024	LÊ QUỐC TÍN	05/08/2003	CCQ2117A				80	64	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2121120027	NGUYỄN THỊ BÉ TRANG	25/12/2002	CCQ2112A				74	82	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
46	2121170313	PHẠM VĂN TRUNG	04/11/2003	CCQ2117I				65	71	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
47	2121120105	TRƯƠNG CÔNG TRƯỜNG	12/03/2003	CCQ2112C				65	71	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
48	2121260041	ĐOÀN THỊ THANH TUYỀN	07/10/2003	CCQ2126B				0	—		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2121100150	TRẦN NGUYỄN THANH VÂN	29/08/2003	CCQ2110E				0	—		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2121170066	NGUYỄN CÔNG VŨ	28/11/2003	CCQ2117B				72	59	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9